VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2019/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2019*

THÔNG TƯ
Quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội về việc phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là CPTPP) và các văn kiện có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo CPTPP.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hạn ngạch thuế quan và hệ thống giám sát hàng dệt may xuất khẩu sang Mê-hi-cô theo CPTPP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với thương nhân xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II
ƯU ĐÃI THUẾ THEO HẠN NGẠCH THUẾ QUAN

Điều 3. Hạn ngạch thuế quan xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô

1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục hàng dệt may áp dụng hạn ngạch thuế quan xuất khẩu sang Mê-hi-cô theo quy định của Mê-hi-cô tại Phụ lục I.

2. Lượng hạn ngạch thuế quan xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô năm 2019 được quy định tại Phụ lục I của Thông tư.

3. Bộ Công Thương công bố lượng hạn ngạch thuế quan của các năm tiếp theo sau khi nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền của Mê-hi-cô.

Điều 4. Quy định về ưu đãi thuế quan

Hàng dệt may xuất khẩu sang Mê-hi-cô được hưởng ưu đãi thuế quan theo CPTPP khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu CPTPP (Certificate of Origin form CPTPP) được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương.

2. Có Chứng thư xuất khẩu (Certificate of Eligibility) do cơ quan có thẩm quyền cấp quy định tại Điều 7 Thông tư này.

Hàng dệt may quy định tại điểm b và d khoản 3 Điều này không cần áp dụng Chứng thư xuất khẩu.

3. Đáp ứng một trong các quy tắc xuất xứ sau:

a) Hàng dệt may theo hạn ngạch thuế quan tại số thứ tự 01, 02, 03 quy định tại Phụ lục I khi sử dụng nguyên phụ liệu trong Danh mục nguồn cung thiếu hụt quy định tại Phụ lục II của Thông tư này được miễn thuế nhập khẩu vào Mê-hi-cô;

b) Hàng dệt may nằm ngoài hạn ngạch thuế quan tại số thứ tự 01, 02, 03 quy định tại Phụ lục I của Thông tư này đáp ứng quy tắc xuất xứ hàng hóa quy định tại

Hiệp định CPTTP và Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu của Mê-hi-cô theo CPTPP.

c) Hàng dệt may theo hạn ngạch thuế quan tại số thứ tự 04 quy định tại Phụ lục I của Thông tư này đáp ứng quy tắc xuất xứ hàng hóa quy định tại Hiệp định CPTTP và Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương được hưởng thuế suất nhập khẩu của Mê-hi-cô theo CPTPP.

d) Hàng dệt may nằm ngoài hạn ngạch thuế quan tại số thứ tự 04 quy định tại Phụ lục I của Thông tư này đáp ứng quy tắc xuất xứ cụ thể mặt hàng quy định tại Điều 5 của Thông tư này được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu của Mê-hi-cô theo CPTPP.

Điều 5. Quy tắc xuất xứ cụ thể mặt hàng

1. Chuyển đổi Chương (CC), ngoại trừ từ nhóm 5106 đến 5113, từ nhóm 5204 đến 5212, từ nhóm 5401 đến 5402, từ phân nhóm 5403.33 đến 5403.39, từ phân nhóm 5403.42 đến các phân nhóm thuộc nhóm 5408, từ nhóm 5508 đến 5516, hoặc từ nhóm 6001 đến 6006, với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc dệt thành hình hoặc cả hai và được khâu hoặc may ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều Nước thành viên CPTPP.

2. Chuyển đổi Chương (CC), ngoại trừ từ nhóm 5106 đến 5113, từ nhóm 5204 đến 5212, từ nhóm 5401 đến 5402, từ phân nhóm 5403.33 đến 5403.39, từ phân nhóm 5403.42 đến các phân nhóm thuộc nhóm 5408, từ nhóm 5508 đến 5516, từ nhóm 5801 đến 5802, hoặc từ nhóm 6001 đến 6006, với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc dệt thành hình hoặc cả hai và được khâu hoặc may ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều Nước thành viên CPTPP.

3. Đối với khăn và tã lót cho trẻ sơ sinh hoặc các vật phẩm tương tự làm từ xơ tổng hợp thuộc nhóm 9619: chuyển đổi nhóm (CTH), ngoại trừ từ nhóm 5106 đến 5113, từ nhóm 5204 đến 5212 hoặc từ nhóm 5401 đến 5402, từ phân nhóm 5403.33 đến 5403.39 hoặc 5403.42 đến 5403.49, từ nhóm 5404 đến 5408, chương 55, hoặc nhóm 5606, từ nhóm 5801 đến 5802, 5903 hoặc từ 6001 đến 6006, hoặc từ chương 61 đến chương 62 với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc dệt thành hình hoặc cả hai và được khâu hoặc may ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều Nước thành viên CPTPP.

Chương III
NGUYÊN TẮC ĐIỀU HÀNH HẠN NGẠCH THUẾ QUAN XUẤT KHẨU HÀNG DỆT MAY SANG MÊ-HI-CÔ

Điều 6. Nguyên tắc điều hành hạn ngạch thuế quan

1. Bộ Công Thương cấp Chứng thư xuất khẩu cho lô hàng dệt may xuất khẩu sang Mê-hi-cô đối với các trường hợp quy định tại điểm a, điểm c, khoản 3 Điều 4 Thông tư này. Chứng thư xuất khẩu có giá trị trong năm được cấp.

2. Chứng thư xuất khẩu được cấp tự động cho các lô hàng đã xuất khẩu.

3. Chứng thư xuất khẩu được cấp theo phương thức trừ lùi lượng hạn ngạch thuế quan trên hệ thống điện tử theo nguyên tắc thương nhân nộp hồ sơ trước được cấp trước, thương nhân nộp hồ sơ sau được cấp sau, cho đến khi lượng hạn ngạch thuế quan được cấp hết. Thời gian tiếp nhận hồ sơ được tự động cập nhật trên hệ thống điện tử của Bộ Công Thương.

4. Bộ Công Thương công bố công khai số lượng, khối lượng hạn ngạch thuế quan trên Hệ thống điện tử của Bộ Công Thương.

5. Thương nhân có nhu cầu hưởng ưu đãi thuế quan theo quy định tại Thông tư này có trách nhiệm theo dõi hạn ngạch thuế quan hàng dệt may xuất khẩu sang Mê-hi-cô trên hệ thống điện tử để nộp hồ sơ đăng ký cấp Chứng thư xuất khẩu theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Điều 7. Cơ quan cấp Chứng thư xuất khẩu

Cơ quan cấp Chứng thư xuất khẩu của Bộ Công Thương là các cơ quan quy định tại Phụ lục V của Thông tư này.

Điều 8. Trình tự, thủ tục cấp Chứng thư xuất khẩu

1. Hồ sơ đăng ký cấp Chứng thư xuất khẩu bao gồm:

a) Đơn đăng ký Chứng thư xuất khẩu (Mẫu số 01 thuộc Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Chứng thư xuất khẩu đã khai hoàn chỉnh (Mẫu số 02, 03 thuộc Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này). Hướng dẫn kê khai Chứng thư xuất khẩu thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Việc kê khai Chứng thư xuất khẩu theo hướng dẫn kê khai tại Phụ lục IV phục vụ việc cấp Chứng thư, giám sát thực hiện của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo CPTPP.

c) Tờ khai hàng hóa xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan.

2. Thương nhân khai báo hồ sơ đề nghị cấp Chứng thư xuất khẩu theo mẫu quy định tại khoản 1 Điều này qua hệ thống điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ: http://www.ecosys.gov.vn.

3. Trong thời hạn 08 (tám) giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, cơ quan cấp Chứng thư xuất khẩu thông báo trên hệ thống điện tử kết quả xét duyệt hồ sơ như sau:

a) Trường hợp đáp ứng cấp Chứng thư xuất khẩu, Bộ Công Thương thông báo cho thương nhân qua hệ thống điện tử và trả Chứng thư xuất khẩu qua bưu điện hoặc trả trực tiếp theo đăng ký của thương nhân trên hệ thống điện tử trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày thông báo chấp nhận cấp Chứng thư xuất khẩu.

b) Trường hợp không cấp Chứng thư xuất khẩu, Bộ Công Thương thông báo và nêu rõ lý do trên hệ thống điện tử. Đối với hồ sơ cần bổ sung, sửa đổi, thời hạn nộp bổ sung, sửa đổi hồ sơ là 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi thương nhân nhận được thông báo; quá thời hạn trên hệ thống điện tử sẽ tự động hủy bỏ hồ sơ này.

Chương IV
GIÁM SÁT HÀNG DỆT MAY XUẤT KHẨU SANG MÊ-HI-CÔ THEO CPTPP

Điều 9. Đăng ký thông tin

1. Thương nhân xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo CPTPP (bao gồm cả thương nhân xuất khẩu theo hạn ngạch thuế quan và cả thương nhân xuất khẩu không theo hạn ngạch thuế quan) phải đăng ký thông tin theo Mẫu số 04 thuộc Phụ lục III của Thông tư này trên hệ thống điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ: http://www.ecosys.gov.vn.

2. Thương nhân có trách nhiệm chủ động cập nhật thông tin khi có thay đổi về hoạt động sản xuất, kinh doanh và các thông tin có liên quan đến thương nhân.

Điều 10. Lưu trữ hồ sơ

Thương nhân quy định tại Điều 9 của Thông tư này có trách nhiệm lưu các hồ sơ sau:

1. Hồ sơ liên quan đến lô hàng xuất khẩu sang Mê-hi-cô như: hồ sơ đăng ký cấp Chứng thư xuất khẩu, hồ sơ hải quan, chứng từ vận tải, hồ sơ đăng ký cấp Giấy

chứng nhận xuất xứ hàng hóa và hồ sơ chứng từ khác có liên quan. Thời gian lưu hồ sơ tối thiểu 5 năm kể từ ngày xuất khẩu.

2. Hồ sơ, chứng từ chứng minh năng lực sản xuất của thương nhân trong 5 năm gần nhất: như máy móc thiết bị, số lượng công nhân và hồ sơ chứng từ khác có liên quan.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số xây dựng Hệ thống điện tử cấp Giấy chứng thư xuất khẩu và đăng ký thông tin thương nhân.

2. Các cơ quan cấp Chứng thư xuất khẩu quy định tại Điều 7 của Thông tư này tổ chức triển khai cấp Chứng thư xuất khẩu.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu phát sinh vướng mắc, kể cả vướng mắc về việc diễn giải các quy định của Thông tư khác với quy định của CPTPP và các văn kiện có liên quan, thương nhân, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Bộ Công Thương để được hướng dẫn, xử lý./.

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

PHỤ LỤC I
DANH MỤC HÀNG DỆT MAY ÁP DỤNG HẠN NGẠCH THUẾ QUAN XUẤT KHẨU SANG MÊ-HI-CÔ THEO QUY ĐỊNH CỦA MÊ-HI-CÔ

(Kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương)

STT	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng năm 2019
01	Sợi phân loại ở nhóm 5202 đến 5207, 5508, 5509, 5511 và vải phân loại ở Chương 60 và sản phẩm phân loại ở Chương 58, nhóm 5902 và 5910 được sản xuất tại Việt Nam từ các nguyên phụ liệu có số thứ tự 2 và 3 trong Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này	Kg	250.000
02	Quần áo dệt kim phân loại ở Chương 61 tại cột Yêu cầu đầu ra số thứ tự 1, 4, 7 của Phụ lục II được sản xuất tại Việt Nam từ các nguyên phụ liệu được nêu trong cột mô tả của các số trên trong Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này	Chiếc	2.500.000
03	Quần áo dệt thoi phân loại ở Chương 62 tại cột Yêu cầu đầu ra tại số thứ tự 5 và 6 của Phụ lục II được sản xuất tại Việt Nam sử dụng nguyên phụ liệu được nêu tại cột mô tả của các số trên của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này	Chiếc	750.000
04	Hàng dệt may thuộc các mã HS 6111.30, 6209.30 và tã trẻ em làm từ sợi tổng hợp thuộc mã HS 9619	Chiếc	50.000

PHỤ LỤC II
DANH MỤC NGUỒN CUNG THIẾU HỤT

(Kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương)

STT	STT theo CPTPP	Mô tả mặt hàng nguồn cung thiếu hụt	Yêu cầu đầu ra (nếu có)	Ghi chú
1	6	Sợi từ xơ bông, chưa đóng gói để bán lẻ, thuộc nhóm 5206, có trên 50% xơ bông và ít nhất 35% xơ acrylic, không bao gồm sợi có chỉ số sợi 67 nm hoặc mảnh hơn đối với sợi đơn, hoặc có chi số mỗi dảnh sợi 135 nm hoặc mảnh hơn đối với sợi xe	Quần áo và phụ kiện thuộc chương 61, trừ bít tất ngắn, bít tất mắt cá chân và bít tất dệt kim dành cho trẻ nhỏ thuộc nhóm 6111 và bít tất dệt kim thuộc nhóm 6115	Sẽ được loại khỏi Danh mục nguồn cung thiếu hụt 5 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực
2	56	Xơ staple từ acrylic hoặc modacrylic thuộc phân nhóm 5501.30 hoặc phân nhóm 5503.30, chưa chải thô, chưa chải kỹ hoặc chưa gia công cách khác để kéo sợi, loại trừ xơ mộc hoặc xơ tẩy trắng, polyme hữu cơ tổng hợp (PAN) cho sản xuất sợi carbon, và xơ chưa nhuộm hoặc xơ đã chuốt keo sử dụng cho sợi acrylic, chưa đóng gói để bán lẻ		
3	58	Xơ staple từ acrylic hoặc modacrylic thuộc phân nhóm 5501.30 hoặc 5506.30, đã chải thô, chải kỹ hoặc chưa gia công cách khác để kéo sợi, loại trừ xơ mộc hoặc xơ tẩy trắng, polyme hữu cơ tổng hợp (PAN) cho sản xuất sợi các-bon, và xơ chưa		

		nhuộm hoặc xơ đã chuốt keo sử dụng cho sợi acrylic, chưa đóng gói để bán lẻ		
4	96	Sợi xơ cắt ngắn (staple) modacrylic và acrylic, chưa đóng gói để bán lẻ, thuộc phân nhóm 5509.31, 5509.32, 5509.61, 5509.62 và 5509.69	Quần áo thân trên thuộc nhóm 6105, 6106, 6109, 6110, 6111 và 6114 và ngoại trừ bít tất ngắn, giày và bít tất dệt kim cho trẻ em thuộc nhóm 6111 và tất quần ở nhóm 6115	
5	97	Vải dệt thoi từ xơ cắt ngắn (staple) modacrylic và acrylic, thuộc phân nhóm 5512.29	Áo khoác ngoài dùng cho nam giới, trẻ em trai, phụ nữ và trẻ em gái, thuộc nhóm 6201 hoặc 6202 và quần áo trẻ em thuộc phân nhóm 6209.30 tương tự quần áo thuộc nhóm 6201 và 6202	
6	170	Vải dệt thoi từ 100% xơ acrylic, có số lượng sợi trung bình trên 55 (theo hệ mét), thuộc phân nhóm 5512.21 hoặc 5512.29	Quần áo thuộc chương 62	
7	182	Sợi (trừ chỉ khâu), chưa đóng gói để bán lẻ, có chứa trên 50% acrylic, trừ xơ mộc hoặc xơ đã tẩy trắng, thuộc phân nhóm 5509.69	Áo len, áo chui đầu, áo nỉ, gi-lê (áo vest mặc lót) và các sản phẩm tương tự thuộc phân nhóm 6110.30	

PHỤ LỤC III
CÁC BIỂU MẪU

(Kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương)

Mẫu số 01	Đơn đăng ký Chứng thư xuất khẩu
Mẫu số 02	Chứng thư xuất khẩu
Mẫu số 03	Chứng thư xuất khẩu khai bổ sung
Mẫu số 04	Đăng ký thông tin thương nhân

Mẫu số 01 - Phụ lục III

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỨNG THƯ XUẤT KHẨU

Kính gửi:..... *(tên của cơ quan cấp Chứng thư)*

Tên thương nhân (tiếng Việt và tiếng Anh):.....
Địa chỉ trụ sở chính:.....
Số điện thoại: ..... Số fax:.....
Website (nếu có) ..... E-mail: .....
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương,..... (tên thương nhân) đề nghị ..... (tên của Cơ quan cấp Chứng thư) cấp Chứng thư xuất khẩu (Certificate of Eligibility) đối với hàng dệt may xuất khẩu sang Mê-hi-cô như sau:

1. Người nhập khẩu/Người mua (tên tiếng Việt và tên Tiếng Anh):
2. Địa chỉ người nhập khẩu:
3. Tên nhà sản xuất/gia công:
4. Địa chỉ nhà sản xuất/gia công:
5. Tờ khai hàng hóa xuất khẩu số:

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa (tiếng Việt và tiếng Anh)	Mô tả hàng hóa (HS 6 số)	Số lượng/ khối lượng	Mô tả nguyên liệu trong Danh mục nguồn cung thiếu hụt để sử dụng sản xuất	Ghi chú

..... (tên thương nhân) cam đoan lô hàng nói trên được khai báo chính xác, đúng sự thực, thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật
của thương nhân
(Ghi rõ chức danh, ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Mẫu số 02 - Phụ lục III

CERTIFICATE OF ELIGIBILITY

Certificate number: *(For certificate issuing authority)*	**Pages:** /
1. Name, Address of Exporter:	**2. Name, Address of Importer or Consignee:**
3. Exporting Country/Region:	**4. Means of Transport:**
5. Place of Loading:	**6. Place of Destination:**

7. Item No.	**8. Marks, numbers and kind of packages; decription of goods (including HS number of Importing Country)**	**9. Quantity of goods**	**10. Description of the material on the Short Supply List of Products used in the manufacture of the good exported**

11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; *(Place and date, signature of authorised signatory)*	**12. Place and date, signature of Authorized officer and certificate isuing authority**
13. Remarks:	

Mẫu số 03 - Phụ lục III

ADDITIONAL PAGE(S) OF CERTIFICATE OF ELIGIBILITY

Certificate number: *(For certificate issuing authority)*			**Pages: /**
7. Item No.	**8. Mark, number and kind of package; decription of goods (including HS number of Importing Country)**	**9. Quantity of goods**	**10. Description of the material on the Short Supply List of Products used in the manufacture of the good exported**
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; *(Place and date, signature of authorised signatory)*			**12. Place and date, signature of Authorized officer and certificate isuing authority**

Mẫu số 04 - Phụ lục III

REGISTRATION OF ENTERPRISES

No:.....

1. Name of Enterprises:	
2. Head office address:	
3. Telephone:	**4. Fax:**
5. Email:	
6. Name and address of textile and apparel facilities: 6.1 6.2 6.3	
7. Number of employees:	
8. Description of the textile or apparel goods: 8.1 8.2 8.3	
9. Production capacity:	
10. Number and type of machines for the textile or apparel goods:	
11. Approximate number of hours used to produce the textile or apparel goods:	
12. Name and address of suppliers: 12.1 12.2 12.3	
13. Name of, and contact information for direct customers in Mexico: 13.1 13.2 13.3	
14. Imports *(a yearly summary of HTS numbers at the six-digit tarrif line, value and volume of goods for the precending two years)*:	
14. Exports to Mexico *(a summary of HTS numbers at the six-digit tariff line, value and volume of goods for the precending two years)*:	

PHỤ LỤC IV
HƯỚNG DẪN KÊ KHAI CHỨNG THƯ XUẤT KHẨU

(Kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương)

1. Chứng thư xuất khẩu phải được kê khai bằng tiếng Anh theo mẫu đăng tải trên hệ thống điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ: http://www.ecosys.gov.vn

2. Nội dung kê khai phải phù hợp với Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu CPTPP (Certificate of Origin form CPTPP) và các chứng từ khác như vận đơn, hóa đơn thương mại....

3. Thương nhân kê khai số trang và từ ô số 1 đến ô số 11 với nội dung kê khai cụ thể như sau:

- Ô trên cùng bên tay phải: ghi số trang. Ví dụ: page 1/3, page 2/3, page 3/3

- Ô số 1: Tên, địa chỉ của nhà xuất khẩu.

- Ô số 2: Tên, địa chỉ của nhà nhập khẩu hoặc nhận hàng.

- Ô số 3: Nước xuất khẩu.

- Ô số 4: Tên phương tiện vận tải (nếu gửi hàng bằng máy bay thì ghi "By air", nếu gửi bằng đường biển thì "By sea").

- Ô số 5: Cảng xếp hàng.

- Ô số 6: Cảng đến hoặc nơi dỡ hàng cuối cùng.

- Ô số 7: Số thứ tự các mặt hàng (mỗi mặt hàng có một số thứ tự riêng).

- Ô số 8: Ký hiệu, số lượng kiện hàng, loại kiện hàng, mô tả hàng hóa (bao gồm mã HS của Mê-hi-cô ở cấp 6 số và tên thương hiệu của hàng hóa (nếu có)).

- Ô số 9: Số lượng, khối lượng hàng hóa (ghi đơn vị tính kg hoặc chiếc theo quy định tại Phục lục I của Thông tư).

- Ô số 10: Mô tả nguyên liệu trong Danh mục nguồn cung thiếu hụt được sử dụng để sản xuất hàng xuất khẩu (theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này).

- Ô số 11: Thương nhân ghi địa điểm, ngày tháng và ký tên người đại diện theo pháp luật.

4. Tờ khai bổ sung Chứng thư xuất khẩu:

Trường hợp thương nhân sử dụng Tờ khai bổ sung theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này để khai nhiều mặt hàng vượt quá trên một Chứng thư xuất khẩu, đề nghị khai số trang và các ô từ ô số 7 đến ô số 11 tương tự hướng dẫn tại khoản 3 của Phụ lục này.

PHỤ LỤC V
DANH SÁCH CƠ QUAN CẤP CHỨNG THƯ XUẤT KHẨU CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

(Kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương)

STT	Tên cơ quan cấp Chứng thư xuất khẩu	Địa chỉ
1	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Hà Nội	25 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
2	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Tp. Hồ Chí Minh	Lầu 8, số 12 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
3	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Đà Nẵng	Số 7B đường Cách Mạng Tháng 8, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
4	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Đồng Nai	Số 26, đường 2A, KCN Biên Hòa 2, tỉnh Đồng Nai
5	Sở Công Thương Hải Phòng	Số 9 Lạch Tray, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
6	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Bình Dương	Số 33 Đại Lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, tỉnh Bình Dương
7	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Vũng Tàu	Số 04 đường Phạm Văn Đồng, phường Phước Trung, TP. Bà Rịa, tỉnh Vũng Tàu
8	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Lạng Sơn	Số 9A Lý Thái Tổ, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
9	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Quảng Ninh	Trụ sở liên cơ số 2, phường Hồng Hà, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
10	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Lào Cai	Tầng 2, trụ sở khối 7, Đại lộ Trần Hưng Đạo, Phường Nam Cường, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai
11	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Thái Bình	126 Lê Lợi, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình
12	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Thanh Hóa	Tầng 2, Khu đô thị mới Đông Hương, TP. Thanh Hóa (Sở Công Thương tỉnh Thanh Hóa)
13	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Nghệ An	70 Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
14	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Tiền Giang	17 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

15	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Cần Thơ	19-21 Lý Tự Trọng, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
16	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Hải Dương	Số 14 Bắc Sơn, tỉnh Hải Dương
17	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Bình Trị Thiên	Số 2 Tôn Đức Thắng, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
18	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Khánh Hòa	Khu Liên cơ II, số 4 Phan Chu Trinh, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
19	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Hà Tĩnh	Số 2, đường Trần Phú, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
20	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Ninh Bình	Đinh Tất Miễn, phường Đông Thành, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình